



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

0052/02/2026

27/02/2026

### I. THÔNG TIN MẪU

- Tên khách hàng: CÔNG TY CPCN PHÚ HÒA TÂN
- Địa chỉ: 86 Tân Hưng, P. Chợ Lớn, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên mẫu: Mẫu nước-Thử nghiệm định kỳ của mạng lưới cấp nước (tần suất A)
- Tình trạng mẫu: Mẫu thử đựng trong bình nhựa và bình thủy tinh
- Số lượng mẫu: 7
- Ngày nhận mẫu: 09/02/2026
- Thời gian thử nghiệm:\* 09/02/2026 đến 27/02/2026
- Loại mẫu: Nước sạch
- Kết quả TN: Xem trang sau.
- Ghi chú: Danh sách mẫu xem trang cuối.

\* Thời gian thử nghiệm trên chưa bao gồm thời gian gửi mẫu hợp đồng phụ thử nghiệm.

**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Diệp Thị Hoàng Hà**

**Bùi Thanh Giang**

### Lưu ý:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến;
- Không được trích sao 1 phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của SAWACO;
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày từ ngày trả kết quả;
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ sau để biết thêm thông tin:
  - Phòng Quản lý Chất lượng nước: Số 2A1 Lê Văn Chí, Phường Linh Xuân, TP. HCM
  - Email: qlcln@sawaco.com.vn
  - ĐT: (08) 37228357 hoặc (08) 37225927 hoặc (08) 37228495.

0052/02/2026

27/02/2026

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0244	SWC-26/0245
1	Arsen ((a))	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	< 0,0005	< 0,0005
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	$\leq 2$	< 0,25	< 0,25
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,5	7,6
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	$\leq 15$	0	0
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		$\leq 2$	0,64	0,64
8	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	$\leq 1$	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,60	0,50
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

### Ghi chú:

- SWC-26/0244 32 Ngô Quyền, P.Diên Hồng.
- SWC-26/0245 91D Nguyễn Kim, P.Diên Hồng.
- (\*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((a)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.

0052/02/2026

27/02/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0246	SWC-26/0247
1	Arsen ((a))	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	< 0,0005	KPH
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	$\leq 2$	< 0,25	< 0,25
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,6	7,7
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	$\leq 15$	0	1
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		$\leq 2$	0,64	0,64
8	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	$\leq 1$	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,50	0,40
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0246 91 Ba Tháng Hai P.Vườn Lài.
- SWC-26/0247 209 Lý Thường Kiệt P.Minh Phụng.
- (\*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((a)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.

0052/02/2026

27/02/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-26/0248	SWC-26/0249
1	Arsen ((a))	mg/L	HD.PP.21/TT.AA S:2023	0,0003	$\leq 0,01$	KPH	< 0,0005
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B - 2023	0,035	$\leq 2$	< 0,25	< 0,25
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,9	7,6
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	$\leq 15$	1	0
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		$\leq 2$	0,64	0,64
8	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	$\leq 1$	KPH	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,50	0,40
10	Mùi	-	SMEWW 2150B - 2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0248 8/32 Tân Hóa, P.Minh Phụng.
- SWC-26/0249 111/2A Lạc Long Quân, P.Bình Thới.
- (\*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((a)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.

0052/02/2026

27/02/2026

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả
						SWC-26/0250
1	Arsen ((a))	mg/L	HD.PP.21/TT.AAS:2023	0,0003	$\leq 0,01$	< 0,0005
2	Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH
3	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	0	< 1	KPH
4	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B -2023	0,035	$\leq 2$	< 0,25
5	pH (*)	-	TCVN 6492:2011		6 - 8,5	7,7
6	Màu sắc	Pt/Co	Hach-method 8025	0	$\leq 15$	0
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996		$\leq 2$	0,64
8	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*)	mg/L	Hach-method 8038	0,03	$\leq 1$	KPH
9	Clo dư tự do	mg/L	Hach-method 8021		0,2 - 1	0,20
10	Mùi	-	SMEWW 2150B -2023		Không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- SWC-26/0250 419 Âu Cơ, P.Tân Phú.
- (\*): Chỉ tiêu được công nhận Văn phòng Công nhận Chất lượng.
- ((a)): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ YTCC.
- KPH: Không phát hiện.